

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa Anh Nguyễn Đức Th
với Chị Phan Thị T”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Hùng Dũng.
2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Th, thị trấn C, huyện Đ, thành phố T.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Tr, huyện C, thành phố K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Anh Nguyễn Đức Th trình bày: Do mai mối và sau một thời gian tìm hiểu anh và Chị Phan Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cờ Đỏ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do Chị T thường xuyên bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân, nhiều lần anh bỏ qua nhưng Chị T vẫn không thay đổi, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân từ năm 2010 cho đến nay vẫn không hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với Chị Phan Thị T.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 16/10/2008, hiện cháu V đang sống cùng với anh. Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu Chị T cấp dưỡng

nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Do Chị T vắng mặt nên Anh Th thống nhất tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Chị Phan Thị T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Theo đơn khởi kiện của Anh Nguyễn Đức Th thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “ Ly hôn ”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Bị đơn Chị Phan Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ xét xử vắng mặt Chị T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa Anh Nguyễn Đức Th và Chị Phan Thị T là hợp pháp. Anh, chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ, chồng cũng có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, Chị T tự ý bỏ đi không quan tâm đến gia đình, chồng con, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ly thân khoảng 10 năm nay nhưng không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hôn nhân giữa Anh Th và Chị T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Anh Th, cho anh được ly hôn với Chị T phù hợp.

[3] *Về con chung*: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 16/10/2008, hiện cháu V đang sống cùng với anh nên cần tiếp tục giao cháu V cho Anh Th nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Ghi nhận Anh Th không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Do Chị T vắng mặt nên cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu phát sinh tranh chấp.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Nguyễn Đức Th phải nộp 300.000đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Anh Nguyễn Đức Th. Cho ly hôn giữa Anh Th và Chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Khánh V, sinh ngày 16/10/2008. Giao con chung cháu V cho Anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng. Ghi nhận Anh Th không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho Chị T không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, Chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Anh Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của Chị T.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác nếu các đương sự phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013241 ngày 10 tháng 7 năm 2020 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thanh Huỳnh

